TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 17-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 164/2026/QĐST-VHNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 178/2026/TLST-VHNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- Ông Nguyễn Phi H, sinh ngày 03/11/1991, CCCD số 08609100xxxx; địa chỉ thường trú: Ấp L, xã QT, tỉnh VL; tạm trú: Phòng N21 Nhà trọ Nguyễn Ngọc Nh, tổ 1, khu phố XĐ, phường TU, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Cao Thị Mỹ A, sinh ngày 10/03/1989, CCCD số 05618900xxxx; địa chỉ thường trú: Thôn PhL, xã HK, tỉnh LĐ; tạm trú: Cơ sở trọ Phan Thị Sg, tổ 6, khu phố KV, phường TH, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Nguyễn Phi H và bà Cao Thị Mỹ A tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TB, huyện VL, tỉnh VL (nay là xã QT, tỉnh VL) theo giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 23/3/2020.

Ngày 17/4/2026, ông H và bà A có đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Theo Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 17-Thành phố Hồ Chí Minh, ông H và bà A đã thỏa thuận được các vấn đề theo đơn yêu cầu.

[2] Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21/5/2026

của Tòa án nhân dân khu vực 17-Thành phố Hồ Chí Minh là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Phi H và bà Cao Thị Mỹ A thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Anh Th, sinh ngày 13/09/2019 và Nguyễn Anh Kh, sinh ngày 12/11/2021 cho bà Cao Thị Mỹ A trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Phi H cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.500.000 đồng/tháng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), thực hiện từ tháng 6/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành.

Ông Nguyễn Phi H và bà Cao Thị Mỹ A đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Ông Nguyễn Phi H và bà Cao Thị Mỹ A phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0029615 ngày 13/05/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17- Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 17- Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND xã QTh, tỉnh VL;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

THẨM PHÁN

Võ Thành Hiệp